|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 08b** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

*(Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài nước)*

THEO HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □ NGOÀI HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số: ……… ngày...tháng...năm……………… phụ lục bổ sung hợp đồng số: …….. ngày.... tháng…. năm …………………..

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ………. ngày…….tháng…….năm ……

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên công việc** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | | | | | **Đơn giá thanh toán** | | **Thành tiền (đồng)** | | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | | **Thực hiện** | | | **Tổng số** | | **Thực hiện** | | |
| **Khối lượng theo hợp đồng ban đầu** | **Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu** | **Lũy kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Lũy kế đến hết kỳ này** | **Theo hợp đồng** | **Đơn giá bổ sung (nếu có)** | **Theo hợp đồng ban đầu** | **Phát sinh so với hợp đồng ban đầu** | **Lũy kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Lũy kế đến hết kỳ này** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Giá trị hợp đồng ban đầu/Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ:………………………………………………. (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện nhà thầu***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* | *Ngày….tháng….năm 20…* **Đại diện chủ đầu tư/ban quản lý dự án chuyên ngành/ban quản lý dự án khu vực** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 08B**

1. Giá trị hợp đồng: Là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng cho nhà thầu chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: Là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*

5. Thanh toán thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

*(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho gói thầu hoặc dự án trong năm kế hoạch)*

7. Lũy kế giá trị thanh toán: gồm 2 phần:

- Tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng chưa được thu hồi đến hết kỳ trước (khoản 2) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 5) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 6.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành đến hết kỳ trước (khoản 3) cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 5), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng XDCB hoàn thành kỳ này (khoản 6).

8. Khi lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

a) Trường hợp lựa chọn ô *“Theo hợp đồng ban đầu”*, không phải kê khai cột 5 (Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu) và cột 12 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Giá trị hợp đồng”.

b) Trường hợp lựa chọn ô *“Ngoài hợp đồng ban đầu”*, không phải kê khai cột 4 (Khối lượng theo hợp đồng ban đầu) và cột 11 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu”.